

Bản án số: 35/2020/HS- ST
Ngày: 10/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thê Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Dương Bình Định
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 06 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 06 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị Thu T (tên gọi khác M); Giới tính nữ; Sinh năm 1997 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT: phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: tổ 3, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Trần Tuấn T1, sinh năm 1965; Mẹ đẻ: Bùi Thị H, sinh năm 1970; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Nguyễn Quang H1, sinh năm 1995; Con: có 01 con sinh ngày 10/4/2018.

- Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/03/2020 đến ngày 19/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
+ Anh Dương Văn H2, sinh năm 1990; trú tại: xóm 8, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).
+ Đỗ Văn C, sinh năm 1987; trú tại xóm 9, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)
+ Anh Trần Mạnh Cường H sinh năm 1996; trú tại tổ 6, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).
- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn L (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, để có tiền tiêu sài nên Trần Thị Thu T nảy sinh ý định đi mua ma túy về bán lại cho người nghiện để kiếm lợi nhuận. Ngày 15/3/2020 T đi xe mô tô từ nhà lên khu vực cầu Q thuộc xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình để tìm mua ma túy. Tại đây T gặp một người đàn ông không quen biết hỏi và mua được 02

gói Heroine đều được gói ngoài bằng giấy nylon màu đen với giá 200.000đ, khi về nhà T mang 02 gói ma túy vừa mua được cất giấu dưới gầm bàn trang điểm của nhà mình. Khoảng 17 giờ 43 phút ngày 16/3/2020 Dương Văn H2, dùng số điện thoại 0822861161 gọi đến số điện thoại 0347001116 của T hỏi mua 400.000đ ma túy, T nghe máy và hẹn gọi lại sau. Đến 21 giờ 47 phút cùng ngày T gọi lại cho H2 thống nhất 2 gói Heroine giá 400.000đ. Sau đó T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 35K1-335.93 mang theo ma túy đi từ nhà ở đến địa điểm hẹn trước tại khu vực cầu thuộc xóm 4, xã K. Tại đây T gặp H2 đứng đợi cùng với Đỗ Văn C, T đưa cho H2 1 gói Heroine và nói bán với giá 200.000đ, do không đủ số lượng như thỏa thuận ban đầu nên H2 không mua, khi các bên đang trao đổi mua bán thì tổ công tác Công an huyện K và Công an xã K phát hiện bắt quả tang, thu giữ của T 1 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy nylon màu đen, 1 điện thoại Nokia lắp sim 0347001116; 1 xe mô tô và 600.000đ. Thu giữ của Dương Văn H2 1 điện thoại Nokia lắp sim 0822861161 và 400.000đ.

Ngày 17/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Trần Thị Thu T thu giữ được 1 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy nylon màu đen tại gầm bàn trang điểm trong phòng ngủ của vợ chồng T. Kiểm tra bên trong các gói nhỏ thu giữ của T là chất bột dạng cục màu trắng, tiến hành cân xác định khối lượng, gói nhỏ thứ nhất (thu giữ khi bắt quả tang) có khối lượng 0,16 gam ký hiệu M1; gói nhỏ thứ hai (thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật) có khối lượng 0,12 gam ký hiệu M2 gửi trung cầu giám định.

Kết luận giám định số 87/KLGD-PC09-MT ngày 18/03/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình kết luận: *Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1627 gam; M2 có khối lượng 0,1273 gam, tổng khối lượng chất bột dạng cục màu trắng trong 2 mẫu giám định là 0,29 gam. Các mẫu M1, M2 là ma túy, loại Heroine.*

Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình đã trả lại chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh, đã cũ lắp sim số 0822861161 thu giữ của Dương Văn H2; trả lại số tiền 400.000đ cho Dương Văn H2 và Đỗ Văn C. 01 phong bì niêm phong ghi số 87/KLGD-PC09-MT bên trong còn 0,0910 gam Heroine trong mẫu ký hiệu M1; 0,0824 gam Heroine trong mẫu ký hiệu M2 và vỏ bao gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong theo đúng quy định, bên trong có vỏ bọc ngoài các gói nhỏ là giấy nylon màu đen và các vỏ phong bì niêm phong các vật, tài sản thu giữ khi phát hiện vi phạm của Trần Thị Thu T; Chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh của Trần Thị Thu T bên trong có lắp sim số 0347001116; số tiền 600.000đ thu giữ của Trần Thị Thu T được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 18/06/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu T về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố trong cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T từ 24 đến 26 tháng tù, thời hạn tù tính ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ 03 ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106 và Điều 136 BLHS năm 2015 và Nghị quyết 326/UBTVQH14:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 87/KLGD-PC09-MT bên trong còn 0,0910 gam Heroine trong mẫu ký hiệu M1; 0,0824 gam Heroine trong mẫu ký hiệu M2 và vỏ bao gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong theo đúng quy định, bên trong có vỏ bọc ngoài các gói nhỏ là giấy nylon màu đen và các

vỏ phong bì niêm phong các vật, tài sản thu giữ khi phát hiện vi phạm của Trần Thị Thu T.

+ Trả lại cho bị cáo số tiền 600.000đ nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Thu T khai nhận: tuy không nghiện ma túy nhưng biết việc bán ma túy thu nhiều lợi nhuận và do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên đã tìm cách mua ma túy về bán kiếm lời. Bị cáo đã tìm mua và bán lại cho cùng đối tượng Dương Văn H2 thì bị phát hiện bắt quả tang.

Lời khai của bị cáo còn phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 21 giờ 47 phút ngày 16/03/2020, lời khai của người làm chứng, người liên quan và vật chứng thu giữ được 02 gói Heroine có trọng lượng 0,29 gam. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: hồi 21 giờ 47 phút ngày 16/3/2020, tại khu vực xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, bị cáo Trần Thị Thu T đã thực hiện hành vi bán hêrôin cho Dương Văn H2; hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và còn là nguyên nhân nảy sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác; hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc bị cáo phải cách ly đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích.

[3] Bị cáo không có tiền tiết kiệm; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm 5 khoản 1 Điều 51 BLHS. Khi lượng hình xét thấy nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, đang nuôi con nhỏ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không tài sản và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 251 BLHS đối với bị cáo.

[4] Trong vụ án này đối tượng Dương Văn H2 là người mua hêrôin của bị cáo T nhưng sau đó tự ý chấm dứt việc thực hiện hành vi vi phạm của mình không thực hiện hành vi mua hêrôin nữa nên không có căn cứ để xử lý.

[5] Về nguồn gốc Hêrôin: Tại phiên tòa bị cáo khai mua của người đàn ông không quen biết, không biết tên tuổi, địa chỉ và nếu gặp lại cũng không nhận được người này nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K không có cơ sở để điều tra, xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh, đã cũ lắp sim số 0822861161 thu giữ của Dương Văn H2, quá trình điều tra xác định H2 sử dụng để liên lạc mua ma túy nhưng sau đó tự ý chấm dứt việc thực hiện hành vi vi phạm của mình nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã trả lại chiếc điện thoại trên cho H2 là phù hợp, hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với số tiền 400.000đ thu giữ của Dương Văn H2, là tiền góp để mua ma túy cùng sử dụng của H2 và Đỗ Văn C, tuy nhiên hành vi vi phạm chưa xảy ra nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã trả lại cho Dương Văn H2 và Đỗ Văn C là phù hợp, hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 35K1 – 335.93 T dùng làm phương tiện đi bán Heroine quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Trần Mạnh Cường H3; anh H3 cho T mượn chiếc xe trên nhưng không biết T sử dụng để đi mua, bán ma túy nên Công an huyện K đã trả lại chiếc xe trên cho anh H3. Anh H3 đã nhận lại và không có ý kiến gì khác việc trả lại xe là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh bên trong có lắp sim số 0347001116 là phương tiện của Trần Thị Thu T dùng liên lạc bán ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 600.000đ thụ giữ của Trần Thị Thu T là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 phong bì niêm phong ghi số 87/KLGĐ-PC09-MT bên trong còn 0,0910 gam Heroine trong mẫu ký hiệu M1; 0,0824 gam Heroine trong mẫu ký hiệu M2 và vỏ bao gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong theo đúng quy định, bên trong có vỏ bọc ngoài các gói nhỏ là giấy nilon màu đen và các vỏ phong bì niêm phong các vật, tài sản thu giữ khi phát hiện vi phạm của Trần Thị Thu T là vật chứng không còn giá trị và là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thu T (tên gọi khác M) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu T (tên gọi khác M) 24 (hai mươi bốn) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/03/2020 đến 19/03/2020).

3. Các biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh bên trong có lắp sim số 0347001116 .

+ Trả lại cho bị cáo số tiền 600.000đ đã thụ giữ nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 0,1734 gam hê rô in còn lại và các vỏ phong bì, bao gói niêm phong các vật, tài sản thu giữ khi phát hiện vi phạm của Trần Thị Thu T.

4. Án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh